

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGD-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Vừ A Sinh**

2. Bà: **Mai Thị Trường**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông
Tòng Văn Bình – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HN&GD ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGD ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T, sinh năm 1989**

Nơi cư trú: Bản CS, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T: Bà Lê Thị Thuý An – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*)

Bị đơn: Anh **Lò Văn T, sinh năm 1991**

Nơi cư trú: Bản CS, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 27/6/2024; tại bản tự khai ngày 10/7/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

* **Về hôn nhân:** Tôi (Nguyễn Thị T) và Lò Văn T đăng ký kết hôn ngày 20/4/2016 tại UBND xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau, không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới vợ chồng tôi chuyển về sinh sống ở nhà bố mẹ chồng tại bản CS, xã ML, huyện Mường Ảng, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn T nghiện chất ma túy thường xuyên bỏ bê gia đình và vợ con. Mặc dù tôi và hai

bên gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh vẫn không từ bỏ, cuộc sống chung của vợ chồng tôi vẫn không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, anh Lò Văn T vẫn không từ bỏ được ma túy. Nay tôi thấy đời sống chung giữa vợ chồng tôi không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Lò Văn T.

*** Về con chung:** Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung là cháu Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Nguyệt M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh Lò Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh Lò Văn T không có.

*** Bị đơn:** Trong quá trình giải quyết Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Lò Văn T vẫn vắng mặt, tại phiên Toà anh Lò Văn T có mặt.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (Lò Văn T) và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 20/4/2016 tại UBND xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh những mâu thuẫn, do tôi nghiện ma túy. Năm 2017 đến 2019 tôi bị Công an thành phố Hà Nội bắt về tội Ma túy đi chấp hành án tại tỉnh Thanh Hoá, sau đó về gia đình tôi nghiện lại nhưng đến năm 2024 tôi đã bỏ được. Tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Nguyễn Thị T và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị Nguyễn Thị T có cháu Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng với tôi và anh trai, nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là ai nuôi cũng được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Không có.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Nguyệt M nguyên vọng của cháu là muốn được ở với mẹ.

- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn T; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T và xác minh điều kiện kinh tế của chị Nguyễn Thị T.

- Trong quá trình thụ lý giải quyết chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2016 tại UBND xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do anh Lò Văn T nghiện chất ma túy, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc gia đình. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và tuyên bố chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lò Văn T.

Thứ hai về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T có 01 người con chung là cháu Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016. Nguyên vọng của chị Nguyễn Thị T sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Nguyệt M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu Lò Nguyệt M muốn được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, Tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lò Văn T.

- **Về Con chung:** Giao cháu Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T không có.

- **Án phí:** Chị Nguyễn Thị T là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt cho bị đơn là anh Lò Văn T, nhưng không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho anh Lò Văn T, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; ngày 03/7/2024 chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Lò Văn T có mặt.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T giữ nguyên ý kiến về việc ly hôn với anh Lò Văn T như đơn khởi kiện;

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh Lò Văn T nghiện chất ma túy. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị

T và anh Lò Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lò Văn T có 01 người con chung là Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Nguyệt M đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nguyện vọng của cháu Lò Nguyệt M (*theo nội dung bản tự khai*) muốn được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lò Nguyệt M đang sinh sống ổn định cùng với chị Nguyễn Thị T và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T về việc giao nuôi con chung. Anh Lò Văn T cũng không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Nguyệt M, sinh ngày 29/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Nguyễn Thị T.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Nguyễn Thị T, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Mường Lạn, h. Mường Ảng
- Đương sự;
- Người bảo vệ Q&LIHP cho đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân